

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**
Số: 465/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
B, ngày 26 năm 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Lê Văn D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu 1, ấp Bình Thạch, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Người yêu cầu: Bà Đỗ Thị Kim C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 62/69/29, đường Cách mạng tháng 8, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D và Bà Đỗ Thị Kim C đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên:

- Lê Hoàng H, sinh ngày 08/11/1998;
- Lê Hoàng H, sinh ngày 01/12/2006;

Sau khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Ông D và Bà C thỏa thuận giao cháu H cho Bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng kể từ khi Quyết định có hiệu lực đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nuôi mình.

Ông D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn D và Bà Đỗ Thị Kim C chịu 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004369 ngày 18/3/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKS ND TP. B;
 - THA DS TP. B;
 - UBND phường T,
- Thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Lê Bửu Thiện